

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Ý YÊN
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 47/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 17/8/2023

V/v: *Ly hôn*.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Ý YÊN, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Tâm

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Xuân Định

Ông Bùi Đức Hạnh

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Nam - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ý Yên tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ý Yên tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Bích Hạnh – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 8 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ý Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 105/2023/TLST - HNGĐ ngày 23 tháng 5 năm 2023 về việc “*Ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 105/2023/QĐXXST-HNGĐ, ngày 24 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Hà Thị L - Sinh năm 1997.

Địa chỉ: Xóm 13, xã N, huyện Y, tỉnh Nam Định.

Bị đơn: Anh Tạ Văn Đ – Sinh năm 1994.

Địa chỉ: Xóm 14, xã N, huyện Y, tỉnh Nam Định.

Tại phiên tòa vắng mặt: Chị L, anh Đ, (chị L có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt; anh Đ vắng mặt không lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai Nguyên đơn chị Hà Thị L trình bày:

Chị kết hôn với anh Tạ Văn Đ vào ngày 29 tháng 01 năm 2016 có đăng ký kết hôn tại UBND xã Yên Nhân, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định. Vợ chồng chung sống đến cuối năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, thường xuyên đánh cãi chửi nhau. Chị và anh Đ đã ly thân và chấm dứt mọi quan hệ vợ chồng từ cuối năm 2016. Nay chị

xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đ, để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Chị và anh Đ không có con chung.

Về tài sản chung, nợ chung và các vấn đề khác trong quan hệ hôn nhân: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết, anh Tạ Văn Đ không đến Tòa án làm việc, Tòa án đã về địa phương và gia đình để trực tiếp tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định của Pháp luật và yêu cầu anh Đ làm bản tự khai, tham gia phiên họp, phiên hòa giải để trình bày quan điểm về việc chị L xin ly hôn nhưng anh Đ không hợp tác.

Bà Ngô Thị Mùi là mẹ đẻ anh Đ, cho biết anh Tạ Văn Đ kết hôn với chị L ngày 29 tháng 01 năm 2016, có đăng ký kết hôn tại UBND xã N, sau khi cưới vợ chồng anh Đ sống cùng gia đình bà tại xóm 14 xã Yên Nhân. Quá trình chung sống giữa anh Đ và chị L xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, chị L sống cùng gia đình bà được 06 tháng thì xin về nhà mẹ đẻ sống, chị L và anh Đ ly thân từ năm 2017 cho đến nay. Về con chung, tài sản chung và các vấn đề khác có liên quan anh Đ và chị L không có. Việc chị L làm đơn ly hôn anh Đ đều biết, anh Đ cũng nhận được Thông báo về việc thụ lý giải quyết vụ án và các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng do bận công việc nên không đến Tòa án để làm việc được.

Tòa án đã tiến hành xác minh tại địa phương nơi anh Đ đăng ký hộ khẩu thường trú và sinh sống, xác định được anh Đ đã biết việc chị L đang đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn nhưng không đến Tòa án làm việc, các giấy tờ của Tòa án liên quan đến việc Tòa án giải quyết việc chị L xin ly hôn anh Đ đều được tổng đạt cho anh Đ.

Quá trình Tòa án giải quyết cũng như tại phiên tòa anh Đ cố tình vắng mặt, được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng anh Đ không chấp hành, chị L có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải và xin xét xử vắng mặt, vì vậy Tòa án lập biên bản không tiến hành phiên hòa giải được và xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa:

Chị L xin giải quyết vắng mặt. Anh Đ mặc dù được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Chủ tọa phiên tòa công bố đơn của chị L đề nghị xét xử vắng mặt. Vụ án được xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại các Điều 227, Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Chủ tọa phiên tòa công bố tóm tắt nội dung vụ án và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử thảo luận về những vấn đề cần giải quyết trong vụ án.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án đã tuân theo đúng quy định của pháp luật.

- Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng. Bị đơn không thực hiện quyền, nghĩa vụ tố tụng.

Về nội dung:

Về tình cảm: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Hà Thị L.

Về con chung: Chị L và anh Đ không có con chung nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung và các vấn đề khác: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị L phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Về việc vắng mặt của Nguyên đơn, Bị đơn: Trong quá trình giải quyết vụ án chị L có đề nghị xin xét xử vắng mặt, anh Đ mặc dù được Toà án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên toà. Vì vậy, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt đối với Nguyên đơn và Bị đơn theo quy định tại các Điều 227, 228, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về nội dung:* Cuộc hôn nhân giữa chị Hà Thị L và anh Tạ Văn Đ được xác lập vào ngày 29/01/2016 có đăng ký kết hôn tại UBND xã N huyện Y tỉnh Nam Định nên là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Chị L và anh Đ chung sống hòa thuận hạnh phúc được thời gian đầu, sau đó phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm, không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống, thường hay cãi nhau, không còn tôn trọng thương yêu nhau và không quan tâm đến nhau nữa; Nay chị L xin ly hôn, anh Đ không hợp tác để làm việc; Qua xác minh tại địa phương thì thấy tình trạng hôn nhân của vợ chồng chị L và anh Đ như chị L trình bày là đúng, chứng tỏ tình cảm vợ chồng giữa chị L và anh Đ không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài; anh Đ biết việc chị L khởi kiện đến Tòa án đề nghị giải quyết về việc ly hôn nhưng cố tình vắng mặt không đến Tòa án để giải quyết, mặc dù Tòa án đã báo cho anh Đ, cho thấy bản thân anh Đ cũng không tha thiết níu kéo cuộc hôn nhân này. Kiểm sát viên tại phiên tòa cũng đề nghị Hội đồng xét xử cho chị L được ly

hôn anh Đ, Do vậy, cần chấp nhận đơn xin ly hôn của chị L, xử cho anh chị ly hôn là phù hợp với quy định tại Điều 56 luật hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Chị L, anh Đ không có con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung và các vấn đề khác trong quan hệ hôn nhân: Chị L và anh Đ không yêu cầu giải quyết. Nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] *Về án phí*: Chị L phải chịu án phí ly hôn theo quy định của Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[4] *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của Điều 271, 272 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ các Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử ly hôn giữa chị Hà Thị L và anh Tạ Văn Đ.

2. Về án phí sơ thẩm ly hôn: Chị Hà Thị L phải nộp là 300.000 đồng, đối trừ tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002420, ngày 18/5/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ý Yên, chị L đã nộp đủ án phí.

3. Về quyền kháng cáo của đương sự: Chị Hà Thị L và anh Tạ Văn Đ được quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc kể từ ngày Bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh;
- VKSND Tỉnh+Huyện;
- Chi cục Thi hành án dân sự;
- Các đương sự;
- UBND xã N;
- Hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Minh Tâm